TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/HSST

Ngày: 28/11/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Quang Tùng.

Ông Trương Văn Hợp.

- ***Thư ký Toà án:*** Bà Hoàng Thị Hoài Anh - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- ***Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà*:** Bà Đàm Thị Đương - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 57/2017/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Hoàng Thị L. Sinh ngày 19/5/1970.

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Khu B1, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12 PT.

Con ông: Hoàng Hồng V (đã chết).

Con bà: Lương Thị Đ; Sinh năm 1925.

Trú tại: Xóm P, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Anh chị em ruột: Gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình.

Chồng: Đàm Văn T; Sinh năm 1967.

Con: Có 01 con, sinh năm 1992.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Cao Bằng từ ngày 21/4/2017.

(Có mặt tại phiên tòa).

**Người bị hại:*

- Bà Lương Thị H. Sinh ngày 10/10/1972.

Đồng bị hại: Ông Bế Văn Q. Sinh ngày 01/5/1970.

Đều trú tại: Xóm V, thị trấn X, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

- Bà Triệu Thị L3. Sinh 05/5/1963.

Đồng bị hại: Ông Triệu Chu M. Sinh ngày 22/9/1962.

Đều trú tại: Xóm B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

- Ông Triệu Vần Ch. Sinh ngày 21/01/1976.

Trú tại: Xóm Kh, xã C, huyện Ng, tỉnh Cao Bằng.

(Đều có mặt tại phiên tòa).

- Bà Nguyễn Thị U. Sinh ngày 24/01/1971.

Trú tại: Xóm Đ, xã Tr, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt).

- Ông Lục Văn C. Sinh ngày 12/10/1966.

Đồng bị hại: Bà Nông Thị D. Sinh ngày 10/10/1970.

Đều trú tại: Khu B 2, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

(Đều có mặt tại phiên tòa).

** Người làm chứng:*

- Ông Bế Vũ H1. Sinh ngày 01/4/1977.

Trú tại: Tổ L, thị trấn X, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- Bà Triệu Mùi Gh. Sinh ngày 08/12/1995.

- Ông Đặng Phụ Ch1. Sinh ngày 17/4/1982.

Đều trú tại: Xóm Kh, xã C, huyện Ng, tỉnh Cao Bằng.

(Đều có mặt tại phiên tòa).

- Bà Hà Thị Th. Sinh ngày 24/8/1994.

Trú tại: Xóm Đ, xã Tr, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Hoàng Thị L bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 16/2/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q, tỉnh Cao Bằng nhận được đơn tố giác của bà Lương Thị H, sinh năm 1972, trú tại Xóm V, thị trấn X, huyện Q, tỉnh Cao Bằng về việc bị Hoàng Thị L trú tại: Khu B1, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của H 300.000.000,0đ (Ba trăm triệu đồng). Quá trình điều tra phát hiện Hoàng Thị L còn lừa đảo chiếm đoạt tiền của 04 nạn nhân khác, cụ thể như sau:

Lần 1: Năm 2013, Hoàng Thị L tham gia tư vấn tài chính của Bảo hiểm nhân thọ F tại Cao Bằng nên có quen biết Lương Thị H. Hai người thường xuyên trao đổi qua mạng xã hội FACEBOOK, đến tháng 9/2016 L biết con gái của H tên là Bế Lương Thu H3 đang học Đại học Kinh doanh công nghệ Hà Nội năm thứ hai nên đã gọi điện thoại cho H và nói là có mối quen biết với lãnh đạo Bộ Công an, có thể xin cho con gái của H vào học tại trường Trung cấp cảnh sát nhân dân mà không cần phải thi. Lúc đầu H không tin tưởng nhưng L gọi điện thoại gạ gẫm nhiều lần và nói là giá tiền 500.000.000,0đ (Năm trăm triệu đồng), đưa trước 400.000.000,0đ (Bốn trăm triệu đồng) gọi là tiền đặt cọc, khi nào có quyết định đi học thì đưa nốt 100.000.000,0đ (Một trăm triệu đồng).

Ngày 16/9/2016, chị H một mình đi đến nhà L ở: Khu B1, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Tại đây H đã đưa cho L 300.000.000,0đ (Ba trăm triệu đồng) và một bộ hồ sơ xin cho con gái đi học theo hướng dẫn của L Số tiền còn lại H hẹn trong vòng một tuần sẽ đưa nốt 100.000.000,0đ (Một trăm triệu đồng). Sau khi đưa tiền cho L được khoảng ba ngày, do nghi ngờ bị lừa nên H đã gọi điện thoại cho L nói là không xin cho con gái đi học nữa và yêu cầu L trả lại tiền. Nhưng L nói là đã đưa cho người ta để xin học rồi nên chưa lấy lại được ngay. Ngày 30/10/2016 Lương Thị H cùng chồng là Bế Ngọc Q đến nhà L để yêu cầu trả lại tiền nhưng L vẫn không thu xếp được tiền mà chỉ viết cho H một tờ giấy hẹn trả tiền vào ngày 04/11/2016. Đến ngày hẹn trả tiền, L vẫn không có tiền trả, H cùng chồng và em rể tên là Bế Vũ H1 tìm gặp được L ở nhà mẹ chồng của của L ở xóm D, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Tại đây, L cũng chỉ viết cho H một tờ giấy vay tiền 300.000.000,0đ (Ba trăm triệu đồng) và một giấy thế chấp tài sản là mảnh đất ở của gia đình L tại khu B1, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Thực tế Hoàng Thị L không có mối quan hệ nào ở Bộ Công an có thể xin học được. Do không có tiền ăn tiêu và chơi lô đề nên L nói vậy để chị H tin tưởng nhờ L. Sau khi lấy được tiền của H, L đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Ngày 11/5/2017, bà Đàm Thị S, sinh năm 1959 trú tại L, thị trấn Q, tỉnh Cao Bằng, là chị gái chồng của Hoàng Thị L đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Q nộp thay cho L số tiền 20.000.000,0đ (Hai mươi triệu đồng) để khắc phục hậu quả. Ngày 12/5/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã giao số tiền này cho Lương Thị H.

Lần 2: Do có mối quan hệ là anh em kết nghĩa với gia đình anh Triệu Chu M (Chồng của Triệu Thị L3) trú tại: B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Cuối tháng 4/2016, L gặp vợ chồng chị L3 tại chợ T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Qua hỏi thăm biết con trai chị L3 là Triệu Chu T3 sinh năm 1990 đã học xong Đại học công nghệ thông tin, chưa có việc làm. L đã nói chuyện với vợ chồng chị L3 là có mối quan hệ với lãnh đạo Bộ công an có thể xin cho cháu T3 vào làm việc trong ngành công an, chi phí để xin đi làm là 500.000.000,0đ (năm trăm triệu đồng). Vợ chồng chị L3 nói là về sẽ suy tính, sau đó vợ chồng L3 đã đồng ý nhờ L xin việc cho con trai và hẹn L ngày đến nhà lấy tiền và làm thủ tục hồ sơ theo hướng dẫn của L.

Ngày 10/5/2016, L một mình đến nhà của chị L3, tại đây L3 đưa cho L 60.000.000,0đ (Sáu mươi triệu đồng) để đặt cọc và L3 hẹn phần còn lại vay được tiền ngân hàng sẽ đưa nốt. Ngày 15/6/2016, chị L3 gọi điện thoại đến nhà và đưa tiếp cho L 440.000.000,0đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) cùng hồ sơ xin việc của con trai. L nhận tiền, hồ sơ và viết một giấy nhận tiền với vợ chồng L3. L hứa hẹn cuối năm 2016 thì chắc chắn cháu T3 sẽ được đi làm trong ngành công an, nếu không được thì trả lại tiền cho vợ chồng L3. Nhưng sau khi nhận tiền của chị L3, L không đi xin việc cho cháu T3 mà sử dụng số tiền đó vào mục đích cá nhân. Đến nay L chưa khắc phục trả cho vợ chồng chị L3 được đồng tiền nào.

Lần 3: Tháng 12/2015, thông qua giao lưu tại nhà khách G, tỉnh Cao Bằng, Hoàng Thị L quen biết anh Triệu Vần Ch trú tại: Kh, xã C, huyện Ng, tỉnh Cao Bằng. Qua trao đổi tìm hiểu, L biết anh Ch có con gái là Triệu Mùi Gh sinh năm 1995, đang học tại trung tâm dạy nghề thành phố Cao Bằng. Tháng 2/2016, L gọi điện thoại cho anh Ch hỏi thăm và gợi ý nếu cần xin cho con gái đi học thì L có thể xin cho. L nói có người quen ở Bộ công an có thể xin vào học Trung cấp Công an. Chi phí xin đi học Trung cấp Công an là 300.000.000,0đ (ba trăm triệu đồng). Lúc đầu anh Ch không tin lắm nhưng một lần được L mời đến nhà ở khu B1, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng thấy nhà L treo nhiều huân huy chương của ngành công an, chồng L cũng là công an, con của L cũng học trung cấp công an. Do đó Triệu Vần Ch đã tin tưởng L có thể xin cho con gái của mình đi học. Đến tháng 4/2016 (không rõ ngày), anh Ch đã đến nhà L đưa cho L 150.000.000,0đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và bảo Ch về cố gắng tìm thêm tiền. Đến ngày 12/5/2016, Ch cùng con gái (Gh) và Đặng Phụ Ch1 (hàng xóm) đi cùng đến nhà L để đưa tiếp 100.000.000,0đ (một trăm triệu đồng). L nhận tiền rồi viết giấy nhận tiền gộp cả lần trước là 150.000.000,0đ (một trăm năm mươi

triệu đồng). L hứa với Ch chắc chắn tháng 10/2016, cháu Triệu Mùi Gh sẽ được đi học Trung cấp công an, nếu không được thì sẽ trả tiền cho Ch. Cuối năm 2016, L gọi điện hỏi anh Ch nói con gái của anh Ch được vào vòng hai trường Trung cấp Công an và bảo Ch gửi thêm tiền. Nhưng anh Ch bảo khi nào có giấy trúng tuyển thì mới đưa tiền. Ít ngày sau L gọi điện thoại lại, thông báo không xin được cho cháu Gh đi học và hẹn đến tháng 2/2017 sẽ trả lại tiền cho Ch. Thực tế từ khi nhận tiền với anh Ch, L đã sử dụng vào mục đích cá nhân mà không xin việc cho con của Ch như đã hứa. Đến ngày hẹn trả tiền, anh Ch nhiều lần yêu cầu trả tiền L đều khất hẹn nhưng không trả được số tiền nào.

Lần 4: Hoàng Thị L thường hay qua lại quán ăn của chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1971, trú tại Đ, xã Tr, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Qua tìm hiểu biết chị U có con gái tên là Hà Thị Th, sinh năm 1994 đã tốt nghiệp trường Trung cấp dược, chưa xin được việc làm. L nói với chị U có mối quan hệ có thể xin được vào ngành công an. Ngày 15/3/2017, hai mẹ con chị U và Th đã đến nhà L ở khu B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng để trao đổi nhờ xin việc. Tại đây L nói có quen lãnh đạo Bộ Công an và phí xin vào ngành Công an là 550.000.000,0đ (năm trăm năm mươi triệu đồng). Để tạo lòng tin, L nói có trai hiện tại cũng đang học trường trung cấp công an. Ngoài ra L còn đưa cho mẹ con chị U xem tin nhắn trong máy điện thoại của L có nội dung giao dịch là hồ sơ đi học công an của người ở Bộ công an và chụp ảnh với người đó. L cho cháu Th chụp nội dung tin nhắn trong máy điện thoại của L. Thấy vậy chị U đã tin tưởng và đưa cho L 30.000.000,0đ (ba mươi triệu đồng) cùng một bộ hồ sơ xin việc cho con gái. U nói đây là tiền đặt cọc trước, khi nào nhận được quyết định đi làm thì sẽ giao đủ tiền. L đồng ý nhận tiền, nhận hồ sơ và viết giấy nhận tiền. L hứa hẹn với chị U trong khoảng tháng 6 đến tháng 9/2017 cháu Th sẽ được đi làm. Vài ngày sau khi đưa tiền cho L, nghi ngờ mình bị lừa, chị U đã tìm L đòi lại tiền nhưng L nói đã đưa cho người ta để xin việc rồi chưa thể lấy lại được ngay. Thực tế L không dùng số tiền này để đi xin việc cho con của U mà sử dụng số tiền đó vào mục đích cá nhân. Đến nay L chưa trả cho chị U dược số tiền nào.

Quá trình điều tra: Hoàng Thị L khai nhận có được đưa cho cháu Th xem tin nhắn trong điện thoại của L để hướng dẫn cho cháu Th là hồ sơ thủ tục xin vào ngành công an. Tin nhắn đó là do L tự soạn ra và tự gửi vào máy của mình với mục đích nhằm đánh lừa vào tạo lòng tin cho mẹ con chị U. Hiện tại chiếc điện thoại lưu tin nhắn dó L đã làm rơi, không nhớ được.

Lần 5: Hoàng Thị L là hàng xóm với gia đình anh Lục Văn C sinh năm 1966, trú tại khu B2, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Năm 2011 biết anh C đang chuẩn bị làm nhà, L đã nhiều lần sang nhà C để hỏi vay tiền nhưng đều bị từ chối. Tối ngày 09/12/2011, L lại sang nhà anh C và cầm theo Biên bản giấy chuyển nhượng đất đề ngày 02/10/1997 có nội dung thuộc quyền sở hữu của L và dấu xác nhận của UBND xã Tr. L đặt vấn đề vay tiền với anh C và thế chấp tài sản theo giấy tờ đó. Anh C đã tin tưởng và cho L vay 20.000.000,0đ (hai

mươi triệu đồng) với lãi suất 2,5% tháng, L làm giấy vay tiền và hẹn 6 tháng sau sẽ trả tiền.

Qua điều tra xác minh: Tờ biên bản chuyển nhượng đất mà L thế chấp với anh C ngày 09/12/2011 là lô đất đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hoàng Thị L ngày 03/4/2009. Vào thời điểm anh C cho L vay tiền, L đang thế chấp để vay tiền tại ngân hàng Nông nghiệp huyện H, tỉnh Cao Bằng. Hoàng Thị L khai nhận: Thực tế vào thời điểm anh C cho L vay tiền, giấy tờ đó đã không còn giá trị. Lãi suất 2,5%/tháng và hứa hẹn trả trong thời gian ngắn là do L tự đưa ra để nhằm mục đích tạo sự tin tưởng cho anh C. Thực tế sau khi lấy được tiền L không trả cho anh C một đồng tiền nào, từ tiền gốc đến tiền lãi. Mặc dù nhiều lần anh C yêu cầu L trả tiền nhưng L chỉ hứa hẹn mà không chịu trả tiền.

Hành vi của bị can Hoàng Thị L đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Tại bản cáo trạng số 46/KSĐT-KT ngày 11/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Hoàng Thị L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị L thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng, bị cáo không có ý kiến gì bổ sung thêm. Bị cáo khai nhận: Vì bản thân có nợ và không có khả năng trả nợ, bị cáo đã tiếp cận và nói dối nhiều người là bị cáo có người quen tại Bộ công an và có khả năng xin việc trong ngành công an nên nhiều người đã tin tưởng, nhờ bị cáo xin việc cho con em của mình. Thực chất bị cáo không quen biết lãnh đạo nào công tác ở Bộ công an mà chỉ nói dối nhằm nhận được sự tin tưởng của những người bị hại. Ngoài ra bị cáo đã sử dụng biên bản chuyển nhượng đất mang tên bị cáo (đã không còn giá trị) để vay tiền của ông Lục Văn C, chiếm đoạt của ông Công số tiền 20.000.000,0đ (hai mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa những người bị hại đều khẳng định lời khai của bị cáo là đúng sự thật. Bị cáo đã sử dụng nhiều cách thức khác nhau như nói dối mình có mối quan hệ trong ngành công an và có khả năng xin việc làm trong ngành công an nhằm tạo lòng tin đối với các bị hại là vợ chồng bà Lương Thị H, vợ chồng bà Triệu Thị L3, ông Triệu Vần Ch, bà Nguyễn Thị U để chiếm đoạt số tiền của họ. Đối với trường hợp người bị hại là vợ chồng ông Lục Văn C, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối bằng hình thức thế chấp tài sản, sử dụng giấy chuyển nhượng tài sản (đã không còn giá trị) để chiếm đoạt của ông C 20.000.000,0đ (hai mươi triệu đồng). Lợi dụng sự tin tưởng của những người bị hại trên, trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2016, bị cáo đã chiếm đoạt được tổng số tiền 1.000.000.000,0đ (một tỉ đồng). Sau khi biết con em mình không được đi học, đi

làm, những người bị hại đã nhiều lần đến nhà bị cáo yêu cầu bị cáo trả lại tiền nhưng bị cáo không trả lại được tiền cho các bị hại.

Người bị hại Nguyễn Thị U vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà U đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt của bà là 30.000.000,0đ (ba mươi triệu đồng).

Tại cơ quan điều tra những người làm chứng khai:

Người làm chứng Bế Vũ H1 khai: Tôi là em rể của chị Lương Thị H. Tôi không nhớ rõ thời gian cụ thể, chỉ nhớ là buổi tối sau khi ăn cơm xong thì chị Hiếu có gọi cho tôi nói là cùng chị xuống T đòi nợ. Vì là người nhà nên tôi đồng ý đi cùng anh chị. Khi đến D, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng thì vợ chồng chị H vào một ngôi nhà và nói chuyện, còn tôi đứng ở ngoài cửa đợi và không biết nội dung cuộc nói chuyện. Một lúc lâu chị H gọi yêu cầu tôi ký vào chỗ người làm chứng. Lúc tôi ký có nhìn thấy vợ chồng chị H và một người phụ nữ tôi không quen biết, ngoài ra tôi không biết gì thêm.

Người làm chứng Hà Thị Th khai: Tôi là con gái của bà Nguyễn Thị U. Ngày 15/3/2017, tôi cùng mẹ tôi vào nhà bà L tại khu B1, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng để đưa cho bà L số tiền 30.000.000,0đ (ba mươi triệu đồng) với mục đích để bà L xin việc cho tôi. Bà L viết cho mẹ tôi một giấy nhận tiền, tôi cũng được ký vào phần người làm chứng. Ngoài ra trước đó việc trao đổi, bàn bạc giữa mẹ tôi và bà L như thế nào thì tôi không rõ.

Tại phiên tòa những người làm chứng khai:

Người làm chứng Triệu Mùi Gh khai: Tôi là con của ông Triệu Vần Ch. Đầu năm 2016, bố có nói với tôi là bố quen biết một người tên là L ở H, Cao Bằng. Bà L có thể xin cho tôi được đi học trung cấp công an mà không cần phải thi với số tiền 300.000.000,0đ (ba trăm triệu đồng). Tháng 4/2016, tôi cùng bố ra nhà bà L tại thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Lúc đó bà L ở nhà một mình, bố tôi có đưa cho bà L 50.000.000,0đ (năm mươi triệu đồng) và tôi đưa hồ sơ của tôi cho bà L. Bà L nhận tiền và hồ sơ nhưng không viết giấy tờ gì. Khoảng tháng 5/2016, tôi cùng bố và anh Đặng Phụ Ch1 đến nhà bà L đưa cho bà L 100.000.000,0đ (một trăm triệu đồng) để bổ sung vào số tiền bà L xin đi học cho tôi. Lúc đó anh Đặng Phụ Ch1 cũng ở đó, bà L có viết một giấy biên lai nhận tiền với số tiền 150.000.000,0đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Bố tôi và bà L cùng anh Ch1 ký vào giấy, trong đó anh Ch1 ký vào với tư cách người làm chứng sự việc. Bà L hứa chắc chắn tháng 10/2016 sẽ xin được. Bố tôi nói nếu không xin được phải trả tiền trước tháng 12/2016. Cuối năm 2016, bà L có gọi điện cho bố tôi nói tôi được vào vòng hai trường trung cấp công an và bảo bố tôi gửi tiền nhưng bố tôi nói phải có danh sách hoặc giấy trúng tuyển của trường nhưng bà L không có các giấy tờ nói trên. Sau đó bố tôi yêu cầu bà L trả lại tiền thì bà L khất lần sau đó không liên lạc được nữa.

Người làm chứng Đặng Phụ Ch1 khai: Tôi là hàng xóm với anh Triệu Vần Ch, vào sáng ngày 12/5/2016, anh Ch rủ tôi đi theo xe ô tô đến nhà ở của Hoàng Thị L trú tại khu B1, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Tại đây tôi chứng kiến việc anh Triệu Vần Ch giao số tiền 100.000.000,0đ (một trăm triệu đồng) cho Hoàng Thị L. Tôi là người ký giấy giao nhận tiền mặt giữa anh Ch và bà L, trong giấy có ghi rõ số tiền là 150.000.000,0đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Anh Ch cho tôi biết lý do đưa tiền cho bà L là để bà L xin cho con gái của anh được đi học trung cấp công an nhân dân.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Hoàng Thị L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b,p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thị L từ 14 đến 16 năm tù. Đồng thời buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của những người bị hại.

Về vật chứng, đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự xử tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc điện thoại bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Qua quá trình thẩm vấn và tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ khác đã được cơ quan điều tra thu thập phản ánh trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định: Do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, lợi dụng nhu cầu xin đi học và xin việc làm của người bị hại, Hoàng Thị L đã nghĩ ra cách chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách nói dối bị cáo có khả năng xin đi học trường Công an, xin việc trong ngành công an và dùng giấy tờ chuyển nhượng đất không có giá trị để tạo lòng tin làm cho người bị hại tin tưởng đã giao tài sản (tiền) nhưng mục đích là để chiếm đoạt tiền của những người bị hại. Cụ thể cùng với một cách thức lợi dụng sự tin tưởng của những người quen biết, hàng xóm, bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt đối với những người bị hại sau:

- Tháng 9/2016, bị cáo chiếm đoạt của vợ chồng bà Lương Thị H, ông Bế Văn Q (trú tại Xóm V, thị trấn X, huyện Q, tỉnh Cao Bằng 300.000.000,0đ (ba trăm triệu đồng).

- Tháng 5 và tháng 6/2016, bị cáo chiếm đoạt của vợ chồng bà Triệu Thị L3, ông Triệu Chu M (trú tại B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng) 500.000.000,00đ (năm trăm triệu đồng).

- Tháng 4 và tháng 5/2016, bị cáo chiếm đoạt của ông Triệu Vần Ch (trú tại Kh, xã C, huyện Ng, tỉnh Cao Bằng) 150.000.000,0đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

- Tháng 3/2017, bị cáo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị U (trú tại: Đ, xã Tr, huyện H, tỉnh Cao Bằng) số tiền 30.000.000,0đ (ba mươi triệu đồng).

- Ngày 09/12/2011, bị cáo dùng giấy tờ chuyển nhượng đất không có giá trị để tạo lòng tin, lấy được của anh Lục Văn C số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng chẵn).

Hành vi của Hoàng Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản).* Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 1.000.000.000,0đ (một tỉ đồng). Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ mọi hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Để phục vụ cho nhu cầu của bản thân nên đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng lòng tin của những người mong muốn con em mình có việc làm, đưa ra những thông tin không đúng sự thật như thông tin bị cáo quen biết với lãnh đạo Bộ Công an để các bị hại tin tưởng bị cáo sẽ xin được cho con em mình đi học, đi làm trong ngành công an và giao tiền cho bị cáo. Khi các bị hại gọi điện trao đổi, bị cáo đã mời các bị hại đến nhà bị cáo, có bị hại Triệu Vần Ch đến nhà bị cáo thấy treo nhiều huân huy chương của ngành công an, được bị cáo cho xem ảnh con trai bị cáo công tác trong ngành công an nên càng thêm tin tưởng. Trường hợp người bị hại Triệu Thị L3 do chứng minh thư nhân dân hết hạn không thể vay tiền ngân hàng, bị cáo đã chủ động dẫn bà L3 đến Công an tỉnh Cao Bằng làm lại chứng minh thư nhân dân để vay tiền tại ngân hàng. Để tăng thêm sự tin tưởng bị cáo còn tự dùng sim điện thoại khác nhắn tin vào số điện thoại của bị cáo giả mạo rằng đó là tin nhắn của người quen bị cáo công tác tại Bộ công an làm cho những người bị hại tin tưởng là sự thật. Sau khi nhận tiền từ các bị hại, bị cáo đều viết giấy biên nhận và hứa hẹn thời gian xin đi học, đi làm cho các con em của những người bị hại. Ngoài ra, bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo dùng giấy tờ chuyển nhượng đất không có giá trị để tạo lòng tin chiếm đoạt của bị hại Lục Văn C số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng chẵn). Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an và bức xúc trong quần chúng nhân dân.

Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo luôn chấp hành tốt quy định của pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bà Lương Thị H, ông Bế Văn Q số tiền 20.000.000,0đ (hai mươi triệu đồng), bà H và ông Q xác nhận đã nhận số tiền 20.000.000đ. Sau khi có quyết khởi tố bị can, Hoàng Thị L bỏ trốn khỏi địa phương, cơ quan Công an đã ra lệnh truy nã, ngày 21/4/2017 bị cáo ra đầu thú tại Công an tỉnh Cao Bằng. Do vậy khi quyết định hình phạt cần áp dụng điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Trong hồ sơ thể hiện chồng bị cáo là ông Đàm Văn T được Chủ tịch nước tặng Huy chương vì an ninh Tổ quốc, Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì, Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Ba, theo hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 thì đây không được coi là tình tiết giảm nhẹ, do vậy bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ này theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là không có.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Trong vụ án này bị cáo có khắc phục bồi thường thiệt hại nhưng số tiền khắc phục rất nhỏ so với số tiền mà bị cáo chiếm đoạt. Xét thấy cần xử bị cáo mức án nghiêm khắc để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội sau này. Xét mức án Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đề nghị xử phạt đối với bị cáo là hợp lý và cần được chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho những người bị hại. Cụ thể phải bồi thường cho từng người như sau:

- Bồi thường cho vợ chồng bà Lương Thị H, ông Bế Văn Q (trú tại Xóm V, thị trấn X, huyện Q, tỉnh Cao Bằng 300.000.000,0đ (ba trăm triệu đồng). Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho bà Lương Thị H, ông Bế Văn Q số tiền 20.000.000,0đ (hai mươi triệu đồng), bà H đã nhận đủ số tiền 20.000.000đ tại cơ quan Công an huyện H, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận tiền ngày 12/5/2017. Nay bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bà Lương Thị H, ông Bế Văn Q số tiền 280.000.000,0đ (hai trăm tám mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho vợ chồng bà Triệu Thị L3, ông Triệu Chu M (trú tại B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng) 500.000.000,00đ (năm trăm triệu đồng).

- Bồi thường cho ông Triệu Vần Ch (trú tại Kh, xã C, huyện Ng, tỉnh Cao Bằng) 150.000.000,0đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị U (trú tại: Đ, xã Tr, huyện H, tỉnh Cao Bằng) số tiền 30.000.000,0đ (ba mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho vợ chồng ông Lục Văn C, bà Nông Thị D (trú tại Khu B2, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng) 20.000.000, 0đ (hai mươi triệu đồng).

Về vật chứng: Tang vật tịch thu là 01 (Một) chiếc điện thoại di động màu trắng, nhãn hiệu MASSTEL MODEL, số IMEL: 868355013852xxx, đã qua sử dụng cần trả lại cho bị cáo vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Thị L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị L 15 (mười năm) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt ngày 21/4/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự 2015;

Buộc Hoàng Thị L phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với tổng số tiền phải bồi thường là 1.000.000.000,0đ (một tỉ đồng). Cụ thể phải bồi thường cho những cho những người bị hại sau:

- Bồi thường cho vợ chồng bà Lương Thị H, ông Bế Văn Q (trú tại Xóm V, thị trấn X, huyện Q, tỉnh Cao Bằng 300.000.000,0đ (ba trăm triệu đồng). Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho bà Lương Thị H, ông Bế Văn Q số tiền 20.000.000,0đ (hai mươi triệu đồng). Bị cáo còn phải bồi thường cho bà Lương Thị H, ông Bế Văn Q số tiền 280.000.000,0đ (hai trăm tám mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho vợ chồng bà Triệu Thị L3, ông Triệu Chu M (trú tại B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng) 500.000.000,00đ (năm trăm triệu đồng).

- Bồi thường cho ông Triệu Vần Ch (trú tại Kh, xã C, huyện Ng, tỉnh Cao Bằng) 150.000.000,0đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị U (trú tại: Đ, xã Tr, huyện H, tỉnh Cao Bằng) số tiền 30.000.000,0đ (ba mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho vợ chồng ông Lục Văn C, bà Nông Thị D (trú tại Khu B2, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng) 20.000.000,0đ (hai mươi triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án, nếu bị cáo Hoàng Thị L chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về vật chứng:

Xử trả lại cho bị cáo: 01 (Một) chiếc điện thoại di động màu trắng, nhãn hiệu MASSTEL MODEL, số IMEL: 868355013852xxx, đã qua sử dụng.

Xác nhận toàn bộ vật chứng trên đã chuyển đến Cục thi hành án Dân sự tỉnh Cao Bằng, tại biên bản giao vật chứng số: 65 ngày 07/9/2017.

4. Về án phí:

Bị cáo Hoàng Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000,0đ (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 41.400.000,0đ (bốn mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng cộng hai khoản là 41.600.000,00đ (Bốn mươi mốt triệu sáu trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và những người bị hại Lương Thị H, Bế Văn Q, Triệu Thị L3, Triệu Chu M, Triệu Vần Ch, Lục Văn C, Nông Thị D, vắng mặt người bị hại Nguyễn Thị U. Báo cho bị cáo và những người bị hại Lương Thị H, Bế Văn Q, Triệu Thị L3, Triệu Chu M, Triệu Vần Ch, Lục Văn C, Nông Thị D biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại Nguyễn Thị U có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Trại giam CA tỉnh CB;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Biên Hòa